

Bản án số: 54/ 2021/ HSST
Ngày: 28/ 9/ 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến và ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/ HSST ngày 10/9/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/ QĐXXST- HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: Phạm Văn T, năm 2002; nơi sinh tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị Th; vợ: Chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Hoài L; con: Chưa có.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; trú tại: Xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Quốc L; sinh năm 1983; trú tại: Xóm 2, xã Hùng T, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Chị Vũ Thị N; sinh năm 1985; trú tại: Xóm 2, xã Hùng T, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Chị Cao Thị T; sinh năm 1984; trú tại: Xóm C, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Chị Bùi Thị Th; sinh năm 1983; trú tại: Xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- Chị Ngô Thị T; sinh năm 1996; trú tại: Xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, có mặt.
- Cháu Nguyễn Thị Hoài L; sinh ngày 23 tháng 11 năm 2004. Người đại diện hợp pháp cho cháu L là anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980 là bố đẻ; đều trú tại: Xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (L vắng mặt)
- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980; trú tại: Xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.
- **Người làm chứng:** Anh Phạm Xuân H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T, sinh năm 2002, trú tại xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn và chị Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 2004, trú tại xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh có mối quan hệ như vợ chồng. Ngày 29 tháng 4 năm 2021, T lên nhà L chơi; lúc này ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980 (là bố L) đi Nghệ An không có mặt ở nhà. Khoảng 16 giờ T đi bộ từ nhà ông H sang nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951, là hàng xóm sống độc thân tại xóm 10, xã Khánh T với mục đích xin xoài ăn. Thấy cổng ra vào đóng nhưng không khóa, T mở cổng đi vào trong sân và gọi cửa nhưng không có tiếng trả lời, thấy bà H không có nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T quay lại nhà ông H lấy 01 chiếc kim bằng kim loại màu cam đen ở tủ nhà dưới rồi đi sang nhà bà H. T dùng kim vặn tháo đinh khuy cửa ra vào, rồi tháo then cửa và đi vào trong nhà bà H, trong nhà (rộng 21m²) có kê 01 tủ gỗ màu vàng tại góc phòng phía nam, T đi vào chỗ đặt tủ gỗ dùng tay trái giật cánh tủ phía trên bên trái rồi dùng tay phải luồn vào trong ngăn tủ phía trên để lục lọi tìm tài sản, thì phát hiện sau chiếc khung treo huy chương trong tủ có 01 lọ thủy tinh, T phát hiện trong lọ có một số nhẫn bằng kim loại màu vàng, T dùng tay trái mở lọ thủy tinh đổ ra giường nhà bà H, rồi dùng tay phải lấy 10 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, là loại vàng có ký hiệu 9999 bỏ vào túi quần bên phải, sau đó tiếp tục dùng tay trái lục tủ nhà bà H phát hiện 01 túi nilon, trong đó có nhiều giấy tờ và 01 phong bì thư, T mở phong bì thư ra thấy bên trong có 4.000.000 đồng, T liền lấy 2.000.000 đồng bỏ vào túi quần bên trái rồi để lại phong bì cùng số tiền còn lại vào chỗ cũ. Sau đó T đóng cửa, cài then cửa nhà bà H rồi đi về nhà ông H và cất chiếc kim ở thành giếng gần sát bếp. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bà H về nhà thì thấy cửa bị phá liền đi vào trong nhà kiểm tra và phát hiện bị mất 10 chiếc nhẫn vàng đeo tay loại vàng 9999 và 2.000.000 đồng, cất trong tủ nên đến sáng ngày 05/5/2021 bà H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh trình báo sự việc. Qua công tác rà soát xác minh đối tượng tình nghi, ngày 06 tháng 5 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh đã triệu tập T đến làm việc, T thừa nhận chính là người đã lấy trộm 10 chiếc nhẫn vàng đeo tay loại vàng 9999 và 2.000.000 đồng của bà H.

Sau khi chiếm đoạt tài sản nhà bà H, T thuê xe taxi chở mình xuống cửa hàng vàng bạc Đức Hòa của chị Vũ Thị N, sinh năm 1985, trú tại xóm 2, xã Hùng T, huyện Kim Sơn, bán 10 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 đã trộm cắp được 51.500.000 đồng. T đi đến cửa hàng điện thoại Thắng Lợi của anh Vũ Quốc L, sinh năm 1983, trú tại xóm 2, xã Hùng T, huyện Kim Sơn, nhờ anh L chuyển hộ 28.000.000 đồng tiền mặt sang số tài khoản ngân hàng BIDV 48810000558540 của T. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày T đi đến quán cầm đồ “*Đỗ Chung*” của gia đình chị Cao Thị T, sinh năm 1984, trú tại xóm Cầu, xã Khánh T nhờ chuyển tiếp 2.000.000 đồng sang tài khoản ngân hàng. Sau đó T đi về nhà ông H chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản của mình sang tài khoản của chị Ngô Thị T, sinh năm 1996, trú tại xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn và nhờ chị T rút ra đưa mẹ T là bà Bùi Thị Th, sinh năm 1983, trú tại xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn giữ hộ. Đến ngày 01 tháng 5 năm 2021, T đưa tiếp cho bà Th giữ hộ 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra T còn khai có một người không quen biết đưa cho T 1.000.000 đồng nhờ T chuyển giúp tiền vào số tài khoản 19035261026014, người đứng tên đăng ký số tài khoản là Đinh Văn T, có địa chỉ 90/13, phường Tân Thới N, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra ủy thác điều tra xác minh nhưng không có kết quả.

Ông Nguyễn Đức H tự nguyện giao nộp chiếc kim điện bọc cao su cán, màu cam đen, dài 18,5cm phần mặt kim loại màu trắng dài 7cm, phần chuôi kim dài 11,5cm cho Cơ quan điều tra.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh đã ra văn bản yêu cầu định giá tài sản để trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Khánh xác định trị giá 10 chiếc nhẫn vàng 9999.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐGTS ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Khánh, kết luận: 10 nhẫn vàng 9999 tại thời điểm ngày 29 tháng 4 năm 2021 có giá trị 52.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 10 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 và số tiền 2.000.000 đồng mà T chiếm đoạt của bà H ngày 29 tháng 4 năm 2021; đến tối ngày 06 tháng 5 năm 2021, T đã đến nhà bà H gặp và trả lại tiền, toàn bộ số vàng đã chiếm đoạt, bà H đã nhận và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSYK ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn T, ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho bà H 10 chỉ vàng và số tiền 2.000.000 đồng, bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị H song lời khai có trong hồ sơ đã xác định việc bà mất tài sản như bị cáo khai nhận là đúng, bà đã nhận đủ 10 chỉ vàng và số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường, nay bà không có yêu cầu gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh Nguyễn Đức H đã nhận lại chiếc kim điện và không có yêu cầu gì.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, sơ đồ hiện trường, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 29/4/2021, T đi bộ từ nhà ông H sang nhà bà Nguyễn Thị H để xin xoài ăn, T thấy cổng ra vào đóng, không khóa, T mở cổng đi vào sân gọi nhưng không thấy trả lời, T biết bà H không có nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T quay lại nhà anh H lấy 01 chiếc kim băng kim loại màu cam đen ở tủ nhà dưới rồi đi sang nhà bà H. T dùng kim vặn định khuy cửa, rồi tháo then cửa và đi vào trong nhà bà H, T đi đến chiếc tủ gỗ dùng tay trái giật cánh tủ phía trên bên trái, tay phải luồn vào trong ngăn tủ để lục tìm tài sản, T phát hiện có 01 lọ thủy tinh bên trong lọ có một số nhẫn bằng kim loại màu vàng, T mở nắp lọ thủy tinh đổ ra giường và lấy 10 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, là loại vàng có ký hiệu 9999 bỏ vào túi quần bên phải, sau đó T tiếp tục lục tủ thì phát hiện 01 túi nilon, trong có nhiều giấy tờ và 01 phong bì thư, T mở phong bì thấy bên trong có 4.000.000 đồng,

T liền lấy 2.000.000 đồng bỏ vào túi quần bên trái rồi để lại phong bì cùng số tiền còn lại vào chỗ cũ, sau đó T đi ra đóng cửa, cài then rồi đi về nhà ông H và để chiếc kim ở thành giếng. Sau đó T thuê xe taxi đi xuống cửa hàng vàng bạc Đức Hòa của chị N ở xã Hùng T, huyện Kim Sơn, bán 10 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 đã trộm cắp được 51.500.000 đồng, rồi T đi đến cửa hàng điện thoại Thắng Lợi của L ở xã Hùng T, huyện Kim Sơn, T nhờ anh L chuyển hộ 28.000.000 đồng tiền mặt vào số tài khoản ngân hàng BIDV của T. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày T đi đến quán cầm đồ “Đỗ Chung” của chị T ở xã Khánh T nhờ chuyển tiếp 2.000.000 đồng sang tài khoản ngân hàng cho T. Sau đó T đi về nhà ông H và chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản của T sang tài khoản của chị T là thím ở xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn và nhờ chị T rút tiền đưa mẹ T là chị Th ở xóm 5, xã Ân H, huyện Kim Sơn giữ hộ. Đến ngày 01/5 2021, T đưa tiếp số tiền 40.000.000 đồng cho chị Th giữ hộ. Số tiền còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết. Ngoài ra T còn khai nhận có một người không quen biết đưa cho T 1.000.000 đồng và nhờ T chuyển giúp tiền này vào số tài khoản đứng tên Đinh Văn T ở trong thành phố Hồ Chí Minh. Khi được Cơ quan điều tra triệu tập T đã khai nhận toàn bộ hành vi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh đã ra văn bản Yêu cầu định giá tài sản để trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Khánh xác định trị giá 10 chiếc nhẫn vàng 9999.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐGTS ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Khánh, kết luận: 10 nhẫn vàng 9999 tại thời điểm ngày 29 tháng 4 năm 2021 có giá trị 52.000.000 đồng.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 54.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H nêu trên đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến

trật tự trị an trên địa bàn huyện Yên Khánh. Bị cáo T là người đã trưởng thành có đủ năng lực, nhận thức và điều khiển hành vi, có hiểu biết pháp luật. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường đủ 10 chỉ vàng và số tiền đã chiếm đoạt và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Song xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện của bị cáo hiện chưa có gia đình riêng, bản thân không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc kim điện bọc cao su cán, màu cam đen, dài 18,5cm đã thu giữ là tài sản hợp pháp của anh H, do T lấy làm công cụ phạm tội, thời điểm đó ông H không có nhà nên không biết vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh đã trả lại chiếc kim điện cho ông H là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường 10 chiếc nhẫn vàng (10 chỉ vàng 9999) và số tiền 2.000.000 đồng cho bà H, bà đã nhận đủ và không có yêu cầu bồi thường gì khác, bà H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản bị truy tố, trong quá trình điều tra xác định bị cáo T có hành vi chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Hoài L, sinh ngày 23/11/2004 ở xóm 10, xã Khánh T, huyện Yên Khánh. Tuy nhiên, thời điểm T quan hệ với chị L một lần là vào khoảng tháng 8 năm 2020 thì T mới được 17 năm 11 tháng tuổi. Vì vậy, hành vi này của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự.

Đối với chị N là chủ cửa hàng vàng bạc Đức Hòa đã mua 10 chiếc nhẫn (10 chỉ) vàng loại vàng 9999 của T với giá 51.500.000 đồng, sau đó chị N đã bán số vàng này

cho khách đi đường, không xác định được tên, tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu và chị N không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, không đủ cơ sở để xem xét xử lý và truy thu số vàng trên.

Đối với anh L là người đã chuyển số tiền 28.000.000 đồng và chị T đã chuyển 2.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của mình đến số tài khoản ngân hàng BIDV của T. Quá trình điều tra xác định anh L và chị T hoàn toàn không biết nguồn gốc số tiền T đưa để chuyển nên không xem xét xử lý.

Đối với chị T được bị cáo chuyển vào tài khoản 10.000.000 đồng nhờ đưa hộ cho chị Th và chị Th là người đã nhận số tiền của chị T đưa và tiền T đưa để giữ hộ tổng là 50.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định chị T và chị Th không biết đó là tiền do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Bị cáo; Người bị hại, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.